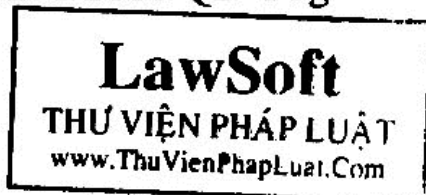


**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 271/2006/QĐ-TTg



Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt "Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể  
 phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2020"**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 6836/BKH-TĐ&GSĐT ngày 14 tháng 9 năm 2006 và của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tại Tờ trình số 53/TT-UB ngày 23 tháng 12 năm 2005 về Đề án "Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2020",

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt "Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2020" (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

## 1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2020 phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước;

bảo đảm mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm công bằng xã hội;

b) Huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, phát huy lợi thế về vị trí địa kinh tế, tài nguyên thiên nhiên và tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế gắn liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách hợp lý; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác chặt chẽ với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước, tạo thuận lợi cho các tỉnh phía Bắc phát triển kinh tế đối ngoại;

c) Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và bảo vệ các di sản văn hóa, cân bằng sinh thái, bảo đảm phát triển bền vững. Không làm tổn hại và suy thoái cảnh quan thiên nhiên;

d) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh.

## 2. Mục tiêu phát triển

### a) Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng thành phố Hải Phòng thành đô thị văn minh, hiện đại xứng đáng là một trung tâm đô thị cấp quốc gia, một cửa ngõ chính ra biển; trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, thủy sản của miền Bắc; có cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cơ sở hạ tầng phát triển; bảo vệ môi trường; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và hiệu quả hơn thời kỳ trước; nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, khai thác có hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại;

- Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực; phát triển văn hóa, xã hội đồng bộ với tăng trưởng kinh tế; không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, từng bước xóa đói, giảm nghèo, tạo thêm nhiều việc làm, giảm và tiến tới xóa bỏ các tệ nạn xã hội;

- Gắn phát triển nội thành với ngoại thành, có các bước đi thích hợp nhằm đưa thành phố Hải Phòng trở thành một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cùng với các cực tăng trưởng khác làm đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của cả vùng Bắc Bộ;

- Phát triển khoa học, công nghệ và có bước đi phù hợp trong việc kết hợp giữa cơ khí hóa, hiện đại hóa với ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học nhằm cải thiện đáng kể trình độ công nghệ trong nền kinh tế.

#### b) Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu đưa tỷ trọng GDP Hải Phòng trong GDP cả nước đạt khoảng 4,5% năm 2010 và 7,3% năm 2020. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân từ 13 - 13,5% giai đoạn 2006 - 2010 và 13,5 - 14% giai đoạn 2011 - 2020, cao hơn mức tăng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ khoảng 1,3 lần; GDP bình quân đầu người (tính theo giá hiện hành) đạt 1.800 - 1.900 USD vào năm 2010 và 4.900 - 5.000 USD vào năm 2020. Phân đầu có cơ cấu kinh tế hiện đại với các sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh cao cả trong công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp.

Dự kiến tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm như sau:

Thời kỳ	Năm 2006 - 2010	Năm 2011 - 2020
GDP	13,2%	13,7%
Dịch vụ	14,2%	14,4%
Công nghiệp - xây dựng	14%	14%
Nông - lâm nghiệp - thủy sản	5,4%	6,4%
Tỷ trọng các ngành trong cơ cấu GDP	Năm 2010	Năm 2020
Dịch vụ	52 - 53%	63 - 64%
Công nghiệp	39 - 40%	33 - 34%
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	7 - 8%	3 - 4%

- Phân đầu giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 1,9 - 2,0 tỷ USD vào năm 2010 và khoảng 6 tỷ USD vào năm 2020.

- Hoàn thiện về cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, ngang tầm với các thành phố phát triển trong khu vực.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 1 - 1,1%/năm giai đoạn 2006 - 2020.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60 - 65% vào năm 2010 và 85 - 90% vào năm

2020. Giải quyết việc làm cho 225.000 lao động trong giai đoạn 2006 - 2010 và 500.000 lao động giai đoạn 2011 - 2020.

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt 55 - 60% vào năm 2010 và 80 - 85% vào năm 2020.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn khoảng 5% vào năm 2010 (theo chuẩn mới).
- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm xuống còn dưới 5%, tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn đạt 90% năm 2010 và tương ứng là 4% và 95% vào năm 2020.
- Đến năm 2010, phần đầu 90% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã và tới năm 2020, đạt tỷ lệ 100%.
- Phần đầu đạt 90% chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý hợp vệ sinh vào năm 2010 và 90 - 100% vào năm 2020.

### 3. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

#### a) Phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế

- Dịch vụ:

+ Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 14 - 14,5% thời kỳ 2006 - 2010 và 14,4 - 15,0% thời kỳ 2011 - 2020; tỷ trọng dịch vụ trong GDP của thành phố đạt 52 - 53% vào năm 2010 và khoảng 63 - 64% vào năm 2020;

+ Xác định dịch vụ biển, du lịch, thương mại là các ngành dịch vụ chủ lực, phát triển với tốc độ cao; đối với một số loại dịch vụ như đô thị, tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, tư vấn, y tế, giáo dục phát triển phục vụ cho cả các địa phương lân cận;

+ Một số sản phẩm chủ lực như khối lượng hàng hóa qua cảng đạt từ 25 - 30 triệu tấn vào năm 2010 và 80 - 100 triệu tấn vào năm 2020; khối lượng hàng hóa vận tải biển đạt trên 20 triệu tấn vào năm 2010 và khoảng 55 triệu tấn vào năm 2020; đón 3.700 nghìn lượt khách du lịch vào năm 2010 (khách quốc tế là 1.200 nghìn lượt) và 6.900 nghìn lượt khách (khách quốc tế là 4.200 nghìn lượt) vào năm 2020; xuất khẩu 1,9 - 2 tỷ USD vào năm 2010 và 5,5 - 6 tỷ USD vào năm 2020 (xuất khẩu dịch vụ chiếm khoảng 6 - 10% tổng giá trị xuất khẩu);

+ Phát triển thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ hàng hải và vận tải biển lớn của Việt Nam; trung tâm thương mại, giao dịch ngoại thương, xúc tiến thị trường và vận động đầu tư lớn của vùng Bắc Bộ, cả nước và khu vực; trung tâm

du lịch của vùng duyên hải Bắc Bộ; trung tâm giao dịch thông tin, bưu chính viễn thông và hội nghị quốc tế lớn thứ 3 của Việt Nam; trung tâm giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học lớn của vùng Bắc Bộ (có trường đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng cho nhu cầu học của tầng lớp dân cư có thu nhập cao và cho sinh viên quốc tế); trung tâm y tế lớn của vùng duyên hải Bắc Bộ, nhằm giảm tải cho Hà Nội; trung tâm tài chính quốc gia và hướng tới trở thành một trung tâm tài chính quốc tế sau năm 2020.

- Công nghiệp - xây dựng:

+ Phát triển công nghiệp với tốc độ nhanh, có chất lượng cao và hiệu quả. Tốc độ tăng bình quân GDP công nghiệp - xây dựng thời kỳ 2006 - 2010 là 14% và tiếp tục duy trì mức tăng trưởng này trong thời kỳ 2011 - 2020. Đưa tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP lên 39 - 40% vào năm 2010 và 33 - 34% vào năm 2020;

+ Nâng dần vị thế của công nghiệp Hải Phòng trong công nghiệp của vùng Bắc Bộ và của ngành công nghiệp cả nước; phấn đấu đến sau năm 2015, một số phân ngành, sản phẩm công nghiệp của Hải Phòng có tầm ảnh hưởng lớn trong khu vực và thế giới. Chú trọng hợp tác với các địa phương trong nước và với quốc tế trong quá trình phát triển;

+ Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực đến năm 2010 là đóng tàu có tải trọng trên 80.000 tấn, xi măng, thép, thiết bị tin học, sản phẩm cơ khí và phụ tùng, linh kiện điện tử, động cơ nổ, động cơ điện, dệt may, da giày, thủy sản chế biến. Sau năm 2010, ngoài các sản phẩm trên sẽ sản xuất thêm các sản phẩm tự động hóa (thiết bị tự động, rôbốt v.v...), vật liệu từ tính cao cấp, vật liệu kỹ thuật cao (cách nhiệt, chịu mài mòn), sứ polyme cách điện, polyme dẫn điện, vật liệu mới, vật liệu composit, polyme tổng hợp v.v...;

+ Ưu tiên các nguồn lực, ưu đãi về chính sách cho một số ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thành phố như đóng và sửa chữa tàu thuyền, công nghiệp cơ khí, điện tử, hàng tiêu dùng cao cấp, hóa chất, vật liệu xây dựng;

+ Kim ngạch hàng công nghiệp xuất khẩu đạt từ 1,3 - 1,5 tỷ USD vào năm 2010 và khoảng 3 tỷ USD vào năm 2020;

+ Chuyển đổi cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng nhanh nhóm ngành chủ đạo, có lợi thế, có truyền thống; hình thành các ngành, sản phẩm công nghiệp mới, nhất

là các sản phẩm ưu tiên phát triển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; tăng nhóm ngành sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp, đặc biệt cho xuất khẩu; tăng thỏa đáng các ngành công nghiệp phụ trợ; tăng tỷ trọng công nghiệp tư nhân, đặc biệt tỷ trọng đầu tư nước ngoài cho các ngành công nghiệp chủ lực; chuyển công nghiệp cần nhiều lao động về khu vực nông thôn;

+ Phát triển các khu, cụm công nghiệp tập trung, gắn với phát triển hệ thống đô thị, phát triển đa dạng các loại hình doanh nghiệp, tăng cường đầu tư hiện đại hóa và đổi mới thiết bị, công nghệ;

+ Huy động có hiệu quả các nguồn lực trong nước; thu hút tối đa các nguồn lực bên ngoài, đặc biệt là từ các công ty xuyên quốc gia; mọi thành phần kinh tế đều được khuyến khích đầu tư vào các phân ngành công nghiệp;

+ Khôi phục các làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả, kết hợp kỹ thuật truyền thống với kỹ thuật hiện đại. Hình thành các cụm, điểm công nghiệp nông thôn gắn với dịch vụ tại các thị trấn, thị tứ, đầu mối giao thông làm vệ tinh cho các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Quá trình phát triển phải kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường, môi sinh, bảo đảm sự phát triển bền vững.

- Nông - lâm - ngư nghiệp:

+ Phát triển theo hướng tập trung, công nghệ cao, chất lượng, năng suất cao, có hiệu quả, có sức cạnh tranh và an toàn thực phẩm; gắn với công nghiệp chế biến và thị trường đô thị. Bảo đảm tốc độ tăng nhanh, bền vững, đạt trên 5%/năm trong giai đoạn 2006 - 2010 và khoảng 6,4%/năm trong giai đoạn 2011 - 2020;

+ Cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng mạnh tỷ trọng chăn nuôi; phát triển các cây, con có giá trị, phù hợp điều kiện địa phương; sử dụng có hiệu quả cao quỹ đất nông nghiệp bằng thâm canh tăng năng suất, tăng vụ, tăng chất lượng và giá trị sản phẩm. Các sản phẩm chủ yếu là lúa, ngô, rau đậu, hoa, cây cảnh, cây ăn quả và lợn thịt, lợn sữa xuất khẩu, gia cầm, bò;

+ Về thủy sản, phát triển thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm thủy sản về giống, thức ăn, khoa học - công nghệ, chế biến, xuất khẩu của vùng, là đầu mối chính cung ứng nhu cầu thủy, hải sản của các tỉnh Bắc Bộ, đặc biệt là thủ đô Hà Nội và các khu công nghiệp;

+ Về lâm nghiệp, chú trọng công tác quản lý khoanh nuôi, bảo vệ rừng, nhất là

diện tích rừng phòng hộ hiện có. Củng cố vành đai rừng phòng hộ, chấn sừng đê biển trên cơ sở bảo vệ rừng hiện có và trồng mới trên diện tích bãi triều cao;

+ Phát triển nền nông nghiệp với nhiều thành phần. Khuyến khích kinh tế hộ gia đình và kinh tế trang trại. Khu vực nông nghiệp nhà nước cần tập trung vào việc sản xuất và cung ứng các loại giống cây trồng, vật nuôi, nghiên cứu ứng dụng, đổi mới kỹ thuật, công nghệ. Khu vực tập thể được khuyến khích phát triển nhằm tăng cường vai trò của nhóm hộ nông dân trong việc đổi mới về tổ chức hợp tác xã nông nghiệp cho phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và các công nghệ mới vào sản xuất, sử dụng các loại giống mới năng suất cao; tập trung xây dựng hệ thống thủy lợi, kiên cố hóa hệ thống kênh mương, bảo đảm chủ động tưới tiêu, ngăn mặn, kiểm soát ngập úng;

+ Kinh tế nông thôn sẽ phát triển theo hướng tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng và lao động nông nghiệp; xây dựng nông thôn công bằng, văn minh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

#### b) Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

##### - Về giao thông:

+ Cải tạo và nâng cấp hệ thống mạng lưới giao thông ra các tỉnh lân cận tuyến quốc lộ 5, quốc lộ 10 và quốc lộ 5 kéo dài tới cảng nước sâu Lạch Huyện, tuyến nối với đường vành đai III của Hà Nội để gia tăng giao thông giữa Hải Phòng với Hà Nội và các tỉnh trong vùng đồng bằng Bắc Bộ. Hình thành, nâng cấp 3 tuyến đường vành đai, nâng cấp, kéo dài hệ thống đường nội bộ nhằm cải thiện đáng kể hệ thống giao thông trong nội bộ thành phố;

+ Đối với hệ thống cảng biển: chỉnh trị, nạo vét luồng lạch, hiện đại hóa cảng Hải Phòng và xây dựng cảng Đình Vũ. Sau khi hoàn thành các dự án trên, tổng năng lực thông qua của cụm cảng Hải Phòng đạt 15 - 18 triệu tấn/năm vào năm 2010 và 29 triệu tấn/năm vào năm 2020;

+ Đối với hệ thống đường sắt: cải tạo, nâng cấp hệ thống đường sắt tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Mở các tuyến mới xuất phát từ Cam Lộ đến các bến cảng, khu công nghiệp, khu đô thị; xây dựng tuyến đường sắt chạy dọc các tỉnh duyên hải;

+ Đối với đường sông: khơi thông các tuyến đường sông và luồng lạch, xây

dựng hệ thống cảng sông trên các huyện, các cảng khách nội địa đi Cát Bà, Cát Hải và Quảng Ninh;

+ Đối với hàng không: cải tạo và nâng cấp sân bay Cát Bi thành sân bay quốc tế; nâng cấp sân bay quân sự Kiến An, nghiên cứu để kết hợp với hoạt động y tế; xây dựng các trạm đỗ máy bay du lịch loại nhỏ ở Cát Bà và Đồ Sơn.

- Về cấp, thoát nước:

+ Đầu tư nâng trữ lượng, chất lượng của các nguồn nước cấp hiện có. Xây dựng thêm một số nhà máy nước lớn ở kênh Hòa Bình (Kiến Thụy), Thủy Nguyên, Đồ Sơn, Kiến An cùng với các nhà máy nước tại các huyện để đáp ứng nguồn cung cấp nước ngọt. Khảo sát tìm nguồn nước ngọt tại chỗ. Đến năm 2010 có 95% dân số được cung cấp nước sạch và tăng lên 99% vào năm 2020;

+ Cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước, giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng khu vực nội thành. Cứng hóa, thay thế toàn bộ mương hở bằng cống ngầm. Xây dựng hệ thống cống ngăn triều, ngăn nước mặn xâm nhập do triều dâng. Hình thành hệ thống thoát nước thải và nước mặt riêng biệt;

+ Nâng cấp, tu bổ đê biển và đê sông để bảo đảm an toàn cho thành phố. Xây dựng 5 công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản và tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nâng cao năng lực tiêu, thoát lũ tại các cửa sông ven biển.

- Về cấp điện:

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nhà máy nhiệt điện 600MW tại Khu công nghiệp Minh Đức; xây dựng hoàn chỉnh hệ thống điện trung thế và hạ thế ở nội thành; mở rộng cấp điện cho các khu công nghiệp, khu chế xuất mới hình thành và thực hiện điện khí hóa nông thôn. Nâng điện thương phẩm bình quân đầu người đạt 2.077 kWh/người năm 2010 và lên 7.460 kWh/người vào năm 2020; phân đầu 100% số xã có điện, 100% số hộ có điện từ năm 2010.

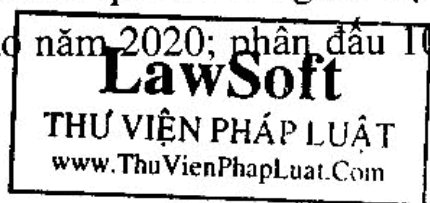
- Về thông tin liên lạc:

Ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực bưu chính - viễn thông. Phấn đấu số điện thoại trên 100 dân đạt mức 35 máy vào năm 2010 và 65 máy vào năm 2020.

c) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất và xã hội hóa các ngành giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao và các lĩnh vực xã hội khác, cụ thể:

091692  
LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com





- Về phát triển dân số:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình nhằm ổn định tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 1 - 1,1%; giữ mức tăng dân số cơ học ở mức hợp lý từ 0,1 - 0,15%. Dự báo dân số Hải Phòng năm 2010 khoảng 1,9 triệu người, năm 2020 khoảng 2,1 triệu người.

- Về giáo dục - đào tạo:

+ Giáo dục - đào tạo phải đi trước một bước nhằm tạo nguồn nhân lực đủ khả năng tiếp cận kỹ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại, đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động khu vực và quốc tế. Phát triển giáo dục bảo đảm cân đối hợp lý giữa các bậc học, cấp học, ngành học. Thực hiện xã hội hóa giáo dục, xây dựng một xã hội học tập;

+ Xây dựng Hải Phòng thành trung tâm giáo dục - đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học về biển lớn nhất vùng đồng bằng Bắc Bộ. Trong đó, trường Đại học Hàng hải không chỉ đạt tầm quốc gia mà còn vươn ra tầm khu vực và quốc tế trong việc đào tạo các chuyên ngành hàng hải vào những năm sau 2010; xây dựng và tổ chức lại hệ thống các trường dạy nghề; giáo dục phổ thông đạt mức tiên tiến hơn nhiều so với cả nước cùng thời điểm, vươn lên tiệm cận với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

+ Đến năm 2010, có 80% trường tiểu học, 80% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; năm 2020 có 100% trường lớp các cấp học, bậc học đạt chuẩn quốc gia. Phổ cập bậc trung học phổ thông vào năm 2010. Từ năm 2010 có 100% giáo viên đạt chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Ưu tiên phát triển dạy nghề với 3 cấp độ (sơ cấp, trung cấp và cao đẳng nghề). Đến năm 2010 có trên 65 - 70% tổng số lao động được đào tạo và tăng lên 85 - 90% vào năm 2020. Ngoài ra, thành phố Hải Phòng phải tham gia đào tạo lao động kỹ thuật cho vùng với quy mô khoảng 50 nghìn lao động vào năm 2010 và 150 nghìn lao động vào năm 2020.

- Về y tế và chăm sóc sức khỏe của nhân dân:

+ Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành Trung tâm y tế lớn của vùng duyên hải Bắc Bộ, nhằm giảm tải cho Hà Nội. Sau năm 2010 sẽ có bệnh viện đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nhanh chóng hiện đại hóa các bệnh viện chuyên khoa tuyến thành phố; nâng cấp và mở rộng bệnh viện Việt - Tiệp; đầu tư trang thiết bị y tế cho các

bệnh viện tuyến huyện. Xã hội hóa, phát triển y tế tư nhân. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ y tế, có chính sách khuyến khích thầy thuốc phục vụ tuyến cơ sở. Xây dựng đội ngũ bác sỹ chuyên khoa đầu ngành. Đến năm 2010, bình quân 1 vạn dân có 8 bác sỹ, 50 giường bệnh với trang thiết bị y tế hiện đại và đến năm 2020 có 12 bác sỹ/1 vạn dân và 70 giường bệnh/1 vạn dân;

+ Quan tâm thỏa đáng tới vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, sức khỏe lao động và môi trường. Thành lập trung tâm kiểm nghiệm thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm.

- Về văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao:

+ Phát triển văn hóa vì mục tiêu phát triển con người toàn diện, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Gắn văn hóa với đời sống xã hội, hướng mọi hoạt động văn hóa vào việc xây dựng con người mới có văn hóa. Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, phát triển hài hòa giá trị văn hóa hiện đại. Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thông tin cơ sở đồng bộ từ Thành phố đến cơ sở quận, huyện, xã, phường. Bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử văn hóa, danh thắng gắn với dịch vụ, du lịch. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa - thông tin;

+ Xây dựng thành phố Hải Phòng thành một trong những trung tâm thể dục - thể thao mạnh của cả nước, thực hiện chức năng trung tâm vùng duyên hải Bắc Bộ, có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại đào tạo huấn luyện vận động viên và đủ tiêu chuẩn tổ chức các cuộc thi đấu quốc gia và quốc tế. Đẩy mạnh phong trào tập luyện thể dục - thể thao của quần chúng và thực hiện xã hội hóa thể dục - thể thao;

+ Phần đầu đến năm 2010, thành phố có 85% gia đình văn hóa, 70% tỷ lệ phường, xã, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa. Đến năm 2020, có 95% gia đình văn hóa, 80% phường, xã, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Xóa đói giảm nghèo, chính sách đối với người có công, an sinh xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội:

+ Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo. Phần đầu đến 2010 còn 5% hộ nghèo (theo chuẩn mới), không còn hộ đói và đến 2020 chỉ còn 1% hộ nghèo, bằng các biện pháp đào tạo nghề, tín dụng, trợ giúp về phát triển kết cấu hạ tầng v.v...

+ Thực hiện tốt các chính sách xã hội, vận động toàn dân tham gia thực hiện chính sách đối với người có công, đẩy mạnh các hoạt động từ thiện. Kiểm soát chặt chẽ, phòng ngừa, ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

#### d) Bảo vệ môi trường

- Bảo vệ chất lượng nước, không khí, đất; bảo vệ môi trường khu du lịch; bảo vệ hệ sinh thái ven biển và cửa sông; bảo vệ môi trường đô thị thông qua việc lựa chọn công nghệ sạch, cụ thể hóa các quy định về nhập khẩu công nghệ và thiết bị; ban hành các tiêu chuẩn chất thải cho Thành phố theo các ngành và lĩnh vực; xây dựng chính sách về tài chính nhằm khuyến khích đầu tư thiết bị, công nghệ xử lý chất thải. Bảo đảm đến năm 2010 có 90% chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý hợp vệ sinh và tỷ lệ này tăng lên mức 95 - 100% vào năm 2020. Hoàn thành dự án xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn, xây dựng hệ thống thoát nước và các cơ sở xử lý nước thải.

- Tăng cường thanh tra, giám sát các nguồn thải từ các cơ sở sản xuất, tàu thuyền; phân vùng môi trường (vùng du lịch, vùng đô thị, vùng công nghiệp, vùng nông nghiệp) để có các biện pháp xử lý phù hợp. Đẩy mạnh giáo dục cộng đồng và tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

#### đ) Quốc phòng - an ninh

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính sách mở cửa, khuyến khích đầu tư nước ngoài và du lịch với nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội tại Hải Phòng. Chủ động quản lý các đối tượng di cư, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội. Quan tâm công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh trong quá trình cơ cấu lại kinh tế xã hội của Thành phố, bảo đảm an ninh cho vùng Bắc Bộ và trực tiếp là vùng đồng bằng sông Hồng. Ưu tiên đầu tư từ nguồn vốn kinh tế và quốc phòng để hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu vực ven biển và hải đảo.

#### e) Quy hoạch phát triển không gian, lãnh thổ

- Khu vực đô thị: đến năm 2020, hệ thống đô thị của Thành phố bao gồm khu vực đô thị hiện có (5 quận); các khu đô thị mới (khu đô thị Tây Bắc, khu đô thị Cát Bi, khu đô thị đường Phạm Văn Đồng, khu đô thị Bắc Sông Cấm); các đô thị vệ tinh (Minh Đức - Bến Rừng, Đồ Sơn, Núi Đèo, An Lão, Kiến Thụy, Cát Bà); các thị trấn (An Dương, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Cát Hải).

- Khu vực nông thôn, hình thành các vành đai nông nghiệp như sau:

+ Vành đai I: phát triển sản xuất rau, hoa, cây cảnh. Tập trung chủ yếu tại các phường, xã: Đăng Lâm, Đăng Hải (quận Hải An), Đồng Thái, An Đồng (huyện An Dương), Dur Hàng Kênh (quận Lê Chân), Hoa Động, Lâm Động, Tân Dương, Dương Quan và Thủy Đường (huyện Thủy Nguyên);

+ Vành đai II: phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm. Tập trung tại các phường, xã: Nam Hải (quận Hải An), Hồng Thái, Đồng Thái, Nam Sơn (huyện An Dương), Hòa Bình, Ngũ Lão, Kiên Bái, Hoàng Động (huyện Thủy Nguyên) và Anh Dũng (huyện Kiến Thụy);

+ Vành đai III: phát triển sản xuất lương thực, chăn nuôi tập trung chủ yếu chăn nuôi lợn thịt, gia cầm và bò sữa nhằm đáp ứng nhu cầu của Hải Phòng, Quảng Ninh và xuất khẩu;

+ Vành đai IV: phát triển sản xuất lương thực, cây ăn quả. Tập trung tại các xã: Đại Bản, Hồng Phong, An Hưng (huyện An Dương), Cao Nhân, Chính Mỹ, Hợp Thành, Quảng Thanh, Minh Tân (huyện Thủy Nguyên), Hòa Nghĩa, Đại Đồng, Hữu Bằng và Thuận Thiên (huyện Kiến Thụy);

+ Vành đai V: phát triển sản xuất cây lâm nghiệp, cây ăn quả. Tập trung tại các xã: Lê Thiện, An Hòa (huyện An Dương), Kỳ Sơn, Lại Xuân, Phù Ninh, An Sơn (huyện Thủy Nguyên), Tân Phong, Tú Sơn, Đại Hợp, Đoàn Xá, Ngũ Đoan, Tân Trào, Kiến Quốc, Ngũ Phúc và Thụy Hương (huyện Kiến Thụy).

- Vùng biển và ven biển:

+ Phát triển hệ thống cảng biển bằng nguồn lực tổng hợp, phát triển đồng bộ và hiện đại hệ thống cảng (bến, luồng lạch, trang thiết bị sản xuất, điều hành v.v...) bảo đảm đủ khả năng phục vụ cho lượng hàng hóa thông qua cảng khoảng từ 25 - 30 triệu tấn vào năm 2010 và 70 - 80 triệu tấn vào năm 2020;

+ Phát triển công nghiệp và đô thị vùng biển và ven biển: hình thành một số khu, cụm công nghiệp tập trung và các dải hành lang đô thị ven biển gắn với trục công nghiệp chiến lược đường quốc lộ số 5, đường quốc lộ số 10 và cảng Hải Phòng tạo thành một chùm đô thị - công nghiệp có sức thu hút và lan tỏa lớn, đóng vai trò là động lực đối với sự phát triển của vùng Bắc Bộ.

#### 4. Các giải pháp thực hiện Quy hoạch

##### a) Huy động các nguồn vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư thời kỳ 2006 - 2020 dự kiến khoảng 500 nghìn tỷ đồng (theo giá hiện hành); trong đó, giai đoạn 2006 - 2010 khoảng trên 90 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 14%/năm.

Để huy động được nguồn vốn đầu tư nêu trên cần đẩy mạnh việc huy động tối đa nội lực, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, các hình thức tạo vốn, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, tăng cường xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao, tích cực thu hút vốn FDI và ODA v.v...

b) Phát triển nguồn nhân lực

Có chính sách thu hút, sử dụng và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Đào tạo lao động và đội ngũ cán bộ quản lý, đào tạo đội ngũ cán bộ các doanh nghiệp.

c) Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống:

Lựa chọn công nghệ thích hợp cho các ngành, xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ.

d) Phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, thành phố trong vùng

Để phát huy có hiệu quả vị trí địa lý thuận lợi (gần Thủ đô Hà Nội, cửa chính ra biển của các tỉnh phía Bắc) và góp phần tạo sự phát triển ổn định chung cho toàn vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, thành phố Hà Phòng cần phải xây dựng kế hoạch phối, kết hợp với Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong cả nước (trước hết là các tỉnh thuộc vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ) trong phát triển các ngành quan trọng ở các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Chủ động phối hợp với các địa phương trong phạm vi "Hai hành lang, một vành đai kinh tế", xây dựng chương trình hợp tác cụ thể nhằm triển khai có hiệu quả chương trình hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc.

đ) Có chính sách đối ngoại linh hoạt để mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư và các biện pháp tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm (trong nước và xuất khẩu).

e) Chính sách môi trường

Trên cơ sở Luật Bảo vệ môi trường, có quy chế về tổ chức và cụ thể hóa chương trình bảo vệ môi trường đối với từng quận, huyện. Chính quyền các cấp chủ động

và có hướng dẫn cụ thể cho các cơ quan, xí nghiệp và toàn thể nhân dân tham gia bảo vệ môi trường.

g) Điều hành và tổ chức thực hiện quy hoạch

Ngay sau khi Quy hoạch được phê duyệt, cần khẩn trương tuyên truyền, phổ biến quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố để các cơ quan, đơn vị và nhân dân nắm được; cụ thể hóa các nội dung của quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế thành các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm; có biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện đầu tư phát triển theo quy hoạch và trong kỳ kế hoạch 5 năm; xây dựng chương trình hành động và các chương trình phát triển từng thời kỳ theo định hướng của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2020. Đồng thời, thường xuyên cập nhật tổng kết, đánh giá sự phù hợp và không phù hợp với thực tế để kịp thời trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố đạt mục tiêu đặt ra; phối hợp với các ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố lân cận để triển khai các chương trình phát triển và hợp tác cùng phát triển. rà soát việc ban hành các chủ trương, chính sách phát triển của Thành phố theo hướng tăng cường hợp tác, mở rộng quan hệ liên vùng nhằm bảo đảm sự thống nhất để cùng phát triển.

**Điều 2.** Quy hoạch được phê duyệt là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác), các dự án đầu tư trên địa bàn của Thành phố theo quy định.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nêu trong Báo cáo Quy hoạch được phê duyệt; phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập và trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược;
- Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư, quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ;
- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Thành phố

trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

**Điều 4.** Giao các Bộ, ngành liên quan hỗ trợ Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng nghiên cứu lập các quy hoạch nói trên; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố nêu trong Quy hoạch tổng thể. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của Thành phố đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan được dự kiến đầu tư nêu trong Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 6.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**

**Phụ lục**

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH,  
DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2006 - 2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 271/2006/QĐ-TTg  
ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

**I. GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

<b>STT</b>	<b>Tên dự án</b>
<b>I</b>	<b>Địa phương quản lý</b>
1	Đường 353 Hải Phòng - Đồ Sơn
2	Khu đô thị Ngã 5 - Sân bay Cát Bi
3	Đường trục 100 m Khu đô thị Lạch Tray - Hồ Đông
4	Đầu tư xây dựng Trường Đại học Hải Phòng theo hướng đa ngành
5	Xây dựng Bệnh viện Việt - Tiếp thành Bệnh viện Đa khoa khu vực
6	Xây dựng Khu liên hợp thể thao đường 14 quy mô khu vực vùng Duyên hải
7	Các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội các khu vực thị xã Đồ Sơn, huyện đảo Cát Hải, huyện đảo Bạch Long Vỹ
8	Đầu tư xây dựng hạ tầng quận mới Hải An
9	Quy hoạch, đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới Bắc sông Cấm
10	Đường Hồ Sen - Cầu Rào II
11	Khu đô thị Hồ Sen - Cầu Rào
12	Thoát nước mưa, nước thải, quản lý chất thải rắn
13	Nâng cấp đô thị Hải Phòng
14	Cầu Rào II
15	Đường 212 Tiên Lãng
16	Đường 403 Kiến Thụy
17	Cải tạo Nhà hát lớn thành phố (giai đoạn 1 & 2)
18	Trung tâm Giáo dục - Lao động - Hòa nhập cộng đồng



STT	Tên dự án
19	Xây dựng Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội số 2 và cơ sở hạ tầng khu dạy nghề sản xuất tập trung cho người sau cai nghiện
20	Các dự án xây dựng hạ tầng du lịch
21	Quản lý và xử lý chất thải rắn
22	Đường trục quận Kiến An
23	Đường phòng thủ phía Đông Nam Thành phố
24	Hệ thống thủy nông Bắc sông Mới - Tiên Lãng
25	Hệ thống thủy lợi kênh Hòn Ngọc
26	Hệ thống thủy lợi Bích Động
27	Khu nông - lâm nghiệp công nghệ cao
28	Trường THPT năng khiếu Trần Phú
29	Trung tâm dưỡng sinh và phục hồi sức khỏe cán bộ Thành phố
30	Trung tâm hội nghị Thành phố
31	Đường liên tỉnh từ Thủy Nguyên đi Kinh Môn (Hải Dương)
32	Xây dựng cầu Khuê
33	Nâng cấp hệ thống đê biển
34	Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Tràng Duệ
35	Đường Đông Khê II
36	Khu công nghiệp Tân Liên
37	Nhà thi đấu thể thao đa năng Thành phố
<b>II</b>	<b>Trung ương đầu tư trên địa bàn</b>
1	Cải tạo Cảng Hải Phòng giai đoạn II
2	Cảng cửa ngõ Lạch Huyện
3	Cầu Đình Vũ - Cát Hải
4	Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (giai đoạn I)
5	Đường sắt Hải Phòng - Chùa Vẽ
6	Cảng quân sự Nam Đồ Sơn
7	Nâng cấp sân bay Cát Bi
8	Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Cát Bà, Bạch Long Vỹ

09691692

## II. GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

STT	Tên dự án
1	Dự án nâng cấp đường sắt Hà Nội - Hải Phòng.
2	Dự án Khu kinh tế tổng hợp Hải Phòng.
3	Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí cao cấp Đồ Sơn.
4	Dự án Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chữa bệnh cao cấp đảo Cát Bà.
5	Dự án xây dựng các trung tâm thương mại loại I tại nội thành và dọc theo tuyến chợ Sắt - cảng Chùa Vẽ và tuyến Bến Bính - Đồ Sơn.
6	Dự án xây dựng mới các kho đầu mối xăng dầu và nâng cấp một số kho đầu mối hiện có.
7	Dự án xây dựng Hải Phòng thành Trung tâm giao dịch viễn thông và hội nghị quốc tế vùng Bắc Bộ.
8	Dự án nâng cấp, tu bổ đê biển và đê sông.
9	Dự án đúc phôi thép công suất 500.000 tấn/năm.
10	Dự án cán thép tấm nóng công suất 400.000 tấn/năm.
11	Dự án cán thép ống không hàn, công suất 60.000 tấn/năm.
12	Dự án cán thép dài, công suất 400.000 tấn/năm.
13	Dự án cán thép tấm inox, công suất 1 triệu tấn/năm.
14	Dự án cán thép tấm nóng, công suất 30.000 tấn/năm.
15	Dự án cán thép ống.

\* **Ghi chú:** Về vị trí, quy mô diện tích chiếm đất, tổng mức và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ./.